

Số: 109/2005/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về công tác quản lý**  
**các dự án đầu tư trong nước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2663/2005/KHĐT-TH ngày 18 tháng 5 năm 2005,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 155/2002/QĐ-UB ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước. Bãi bỏ các Công văn số 7173/UB-ĐT ngày 23 tháng 11 năm 2004, Công văn số 564/UB-ĐT ngày 26 tháng 01 năm 2005 và Công văn số 2037/UB-ĐT ngày 07 tháng 4 năm 2005 về Tổ chuyên gia xét thầu đối với các gói thầu sử dụng vốn ODA hoặc dự án trong nước có giá trị từ 100 tỷ đồng trở lên; sửa đổi mục 2 và mục 3, phần I, Chỉ thị số 29/2002/CT-UB ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường quản lý Nhà nước về đấu thầu; bãi bỏ các quy định khác của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này.

Đối với các dự án đã có quyết định đầu tư trước ngày ban hành Quyết định này, các sở - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các chủ

đầu tư tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 155/2002/QĐ-UB ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Bru chính Viễn thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc và Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước thuộc thành phố, các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- Ủy ban nhân dân TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân TP;
- Ban chỉ đạo Cải cách Hành chính;
- Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm;
- Ban Quản lý Khu Nam thành phố;
- Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;
- Ban Quản lý Khu Đô thị Tây Bắc;
- VP HĐND-UBND: PVP/ĐT, VX, KT, PC;
- Các Tổ NCTH, Tổ TH (6b);
- Lưu (TH-LTg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Hải**

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC**  
(Kèm theo Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**PHẦN I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối hướng dẫn chính sách và hỗ trợ nhà đầu tư về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đầu tư trong nước.

**Điều 2.** Hàng quý, căn cứ vào định hướng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội từng thời kỳ, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có chức năng xúc tiến đầu tư, các sở - ngành, quận - huyện lập danh mục các dự án đầu tư trong nước tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thông qua và công bố kêu gọi đầu tư.

**Điều 3. Phân loại dự án và quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng**

3.1. Các dự án nhóm A không phân biệt nguồn vốn, chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình gửi Bộ quản lý ngành xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư.

3.2. Các loại công trình không phải lập dự án mà chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:

3.2.1. Công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo.

3.2.2. Công trình xây dựng mới trụ sở cơ quan có tổng mức đầu tư dưới 3 (ba) tỷ đồng.

3.2.3. Công trình hạ tầng xã hội có tổng mức đầu tư dưới 7 (bảy) tỷ đồng sử dụng vốn ngân sách không nhằm mục đích kinh doanh, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và đã có chủ trương đầu tư hoặc đã được bố trí vốn trong kế hoạch chủ đầu tư.

3.2.4. Công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo sử dụng vốn ngân sách, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, đã có chủ trương đầu tư và đầu tư có hiệu quả rõ rệt, có tổng mức đầu tư dưới 5 (năm) tỷ đồng.

3.2.5 Các công trình xây dựng khác không thuộc các trường hợp nêu trên, có tổng mức đầu tư dưới 5 (năm) tỷ đồng, tùy từng trường hợp cụ thể do người quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình

hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và làm rõ tính hiệu quả trước khi quyết định đầu tư.

3.3. Đối với dự án của doanh nghiệp sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước thì Nhà nước chỉ quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư; doanh nghiệp có dự án tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án đúng theo các quy định của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và các quy định khác của pháp Luật có liên quan.

3.4. Đối với các dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau thì các bên góp vốn thỏa thuận về phương thức quản lý hoặc quản lý theo quy định đối với nguồn vốn có tỷ lệ phần trăm lớn nhất trong tổng mức vốn đầu tư.

3.5. Đối với các dự án sử dụng vốn khác bao gồm có vốn tư nhân, chủ đầu tư tự quyết định hình thức và nội dung quản lý dự án.

3.6. Giao cho các Sở được thẩm định thiết kế cơ sở quy định tại khoản 1, Điều 13 của Quyết định này tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn khác.

#### **Điều 4. Về địa điểm xây dựng và quy hoạch, kiến trúc**

4.1. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng công trình phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, bảo đảm an ninh, an toàn xã hội và môi trường sinh thái, phù hợp với các quy định của pháp Luật về đất đai và pháp Luật khác có liên quan.

4.2. Đối với các dự án sửa chữa, nâng cấp, nhưng không làm thay đổi chức năng và kết cấu công trình, không mở rộng diện tích xây dựng; không tăng chiều cao; không vi phạm lộ giới và không thuộc diện phải di dời do gây ô nhiễm môi trường thì không phải thực hiện việc thỏa thuận địa điểm và quy hoạch, kiến trúc.

4.3. Đối với những khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn có trách nhiệm công bố công khai những nội dung quy hoạch chi tiết sau khi được duyệt theo quy định để nhà đầu tư có căn cứ lập dự án đầu tư.

4.4. Đối với những khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn được duyệt, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm cung cấp những thông tin cần thiết về địa điểm đầu tư trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc; Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của nhà đầu tư hoặc của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4.5. Đối với những địa điểm xây dựng chung cư, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 3 và 4 của điều này, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải

có ý kiến về sự phù hợp với quy mô dân số trên địa bàn quận - huyện theo quy hoạch được duyệt.

### **Điều 5. Về cung cấp cho nhà đầu tư giá thuê đất, mức thu tiền sử dụng đất, hồ sơ địa chính và các thông tin về đất đai**

5.1. Khi nhà đầu tư hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư có yêu cầu cung cấp các thông tin về giá thuê đất, mức thu tiền sử dụng đất, Sở Tài chính có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về giá thuê đất, Cục Thuế thành phố có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về mức thu tiền sử dụng đất cho nhà đầu tư hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

5.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho nhà đầu tư hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ địa chính và các thông tin đất đai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

5.3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính; Trung tâm Thông tin Tài nguyên - Môi trường và Đăng ký nhà đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất) có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính, bản đồ địa hình cho nhà đầu tư. Việc cung cấp bản đồ địa chính, bản đồ địa hình phải đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước và được phép thu tiền theo giá quy định do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành. Thời gian cung cấp các loại bản đồ nêu trên không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư. Trong trường hợp khu đất không nằm trên lô thửa hoặc khu đất nằm trong khu vực chưa có bản đồ địa chính, bản đồ địa hình thì phải thông báo cho nhà đầu tư để thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc trích đo hoặc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình của khu đất.

5.4. Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp cho nhà đầu tư kết quả khảo sát địa chất có sẵn (còn giá trị sử dụng) khi nhà đầu tư có yêu cầu để lập dự án và được phép thu tiền theo đúng giá quy định do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành. Thời gian Sở Xây dựng cung cấp kết quả khảo sát địa chất công trình không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của nhà đầu tư. Trong trường hợp Sở Xây dựng không có sẵn kết quả khảo sát thì phải thông báo ngay trong vòng 03 (ba) ngày làm việc cho nhà đầu tư để nhà đầu tư thuê đơn vị có chức năng thực hiện.

### **Điều 6. Về phòng chống cháy, nổ**

Khi thẩm định thiết kế cơ sở, cơ quan thẩm định có văn bản hỏi ý kiến cơ quan quản lý Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy đối với các công trình thuộc danh mục Quy định tại Điều 16, Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ. Cơ quan quản lý Nhà nước về phòng cháy chữa cháy có ý kiến về phương án phòng chống cháy, nổ (bao gồm bản vẽ sơ đồ hệ thống phòng chống cháy, nổ) trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu và hồ sơ đính kèm theo Quy định.

## **Điều 7. Về bảo vệ môi trường**

Đối với các dự án thuộc loại 1 (theo Thông tư số 490/1988/TTBKHCNMT ngày 29 tháng 4 năm 1998 của Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường), trước khi trình duyệt dự án, chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Nghị định số 143/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thẩm định dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. Đối với các dự án thuộc loại 2, bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường do chủ đầu tư lập phải có trong hồ sơ trình duyệt thiết kế cơ sở. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về nội dung bản Đăng ký. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được bản Đăng ký, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gợi ý kiến cho cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở.

## **Điều 8. Quản lý chất lượng công trình xây dựng**

8.1. Nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện đúng theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

8.2. Phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng: Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Via hè, hào kỹ thuật, đường đô thị, đường thủy, cầu, hầm giao thông, bến phà, bến xe, cảng, bãi đỗ xe trong đô thị, cấp nước, thoát nước, bờ kè, chiếu sáng, công viên, cây xanh.

Sở Xây dựng có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp khác (trừ các công trình do Sở Công nghiệp chịu trách nhiệm quản lý); chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình nhà máy xử lý nước thải; công trình xử lý chất thải; Bãi chứa, bãi chôn lấp rác; công trình xử lý rác thải; công trình xử lý rác y tế; lò thiêu xác, nghĩa trang. Sở Công nghiệp có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình khai thác than, khai thác quặng; công trình khai thác dầu, khí; nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp; công trình hóa chất, hóa dầu; công trình kho chứa và truyền ống phân phối xăng, dầu, khí hóa lỏng; công trình luyện kim, công trình cơ khí, chế tạo; công trình sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp; công trình công nghiệp nhẹ; công trình công nghiệp thực phẩm và các công trình công nghiệp chuyên ngành. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình thủy lợi gồm: Hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh, công trình hạ tầng trên kênh và bờ bao các loại. Sở Bưu chính Viễn thông có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin; công trình đầu tư chuyên ngành công nghệ thông tin; công trình bưu chính, viễn thông. Ủy ban

nhân dân quận - huyện có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư hoặc cấp giấy phép xây dựng.

Hàng năm, các đơn vị (sở và quận - huyện) được giao nhiệm vụ nêu trên phải lập kế hoạch kiểm tra chất lượng công trình và tổ chức thực hiện. Kết quả kiểm tra chất lượng công trình của các Sở và Ủy ban nhân dân quận - huyện phải báo cáo hàng quý và báo cáo tổng hợp 6 tháng, năm gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; thời gian gửi báo cáo cho Sở Xây dựng, đối với quý không quá ngày 25 tháng thứ 3 của quý và không quá ngày 25 tháng 6 và ngày 25 tháng 12 đối với báo cáo tổng hợp.

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi có phản ánh bằng văn bản của cá nhân, tổ chức hoặc báo, đài về chất lượng xây dựng của công trình cụ thể, các cơ quan nêu tại Mục 1 và Mục 2 của điều này phải thực hiện việc kiểm tra hiện trường, sau khi kiểm tra có các biện pháp xử lý (nếu có vi phạm); kết quả kiểm tra và xử lý phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan chức năng theo quy định và trả lời cho tổ chức, cá nhân phản ánh.

8.3. Quản lý tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động, môi trường xây dựng thực hiện theo các Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ.

## **PHẦN II**

### **CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**Điều 9.** Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của các sở - ngành, quận - huyện để trình Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định giao kế hoạch hàng năm và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vào các tháng 3, 6, 9.

#### **Điều 10. Nội dung công tác chuẩn bị đầu tư**

Chủ trương chuẩn bị đầu tư bao gồm các nội dung sau: Tên dự án, tên chủ đầu tư, địa điểm xây dựng công trình, sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu đầu tư, qui mô đầu tư, hình thức đầu tư, tổng mức đầu tư dự kiến (trong đó có ước chi phí bồi thường giải tỏa, tái định cư; ước chi phí nghiên cứu lập dự án). Căn cứ vào quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư tự phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí nghiên cứu lập dự án (chi phí khảo sát, đo vẽ hiện trạng để thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất, lập dự án); chịu trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm theo quy định để lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư.

Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế cơ sở thực hiện theo Thông tư số 08/2005/TT-BXD ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Xây dựng. Căn cứ vào

quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, Kho bạc Nhà nước thành phố tạm ứng và thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư cho chủ đầu tư theo quy định.

**Điều 11. Về xác định chủ đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư; điều kiện năng lực, trách nhiệm của các tổ chức tư vấn**

11.1. Việc xác định chủ đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư; điều kiện năng lực, trách nhiệm của các tổ chức tư vấn, thực hiện theo Luật Xây dựng và Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ.

11.2. Chủ đầu tư tổ chức lập hoặc thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc lập dự án đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về điều kiện năng lực của tư vấn lập dự án, về chất lượng và thời gian lập dự án. Trong trường hợp dự án phải thẩm định nhiều lần do không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định hoặc do không tuân thủ đúng các quy chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành, thì mỗi lần trình thẩm định, chủ đầu tư phải nộp phí thẩm định dự án. Phí thẩm định dự án từ lần thứ 2 trở đi không được phép cộng vào tổng vốn đầu tư của dự án.

Thời gian để lập xong dự án nhóm C không quá 05 (năm) tháng, nhóm B không quá 09 (chín) tháng, kể từ khi có quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư. Nếu vì lý do khách quan làm kéo dài hơn thời gian lập dự án so với quy định, chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo cơ quan quyết định đầu tư. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, cơ quan quyết định đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản về kéo dài thời gian lập dự án của chủ đầu tư.

**Điều 12. Về phân cấp và ủy quyền quyết định đầu tư**

12.1. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư các dự án nhóm C sau khi danh mục dự án được thông qua Hội đồng nhân dân quận - huyện (bao gồm vốn ngân sách quận - huyện, vốn ngân sách thành phố phân cấp cho quận - huyện, tiền thuê nhà do quận - huyện quản lý và vốn bố trí cho dự án đầu tư các công trình thuộc chương trình xóa đói giảm nghèo trên địa bàn quận - huyện) trong phạm vi địa giới từng quận - huyện, không thuộc các dự án nhóm C do các Sở quyết định đầu tư. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm quản lý quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư, lập thiết kế, tổng dự toán, đấu thầu, thi công đến khi nghiệm thu, bàn giao, đưa công trình vào sử dụng và quyết toán công trình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khối lượng làm tăng mức vốn đầu tư của dự án vượt hơn nhóm C, Ủy ban nhân dân thành phố phải báo cáo và được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận bằng văn bản mới được quyết định điều chỉnh dự án đầu tư. Đối với các dự án có liên quan hoặc gắn kết với các công trình hạ tầng kỹ thuật do thành phố trực tiếp quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phải lấy ý kiến của các sở - ngành trước khi quyết định đầu tư. Thủ trưởng các sở - ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên



quan trọng vòng 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

12.2. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn quyết định đầu tư các dự án thuộc ngân sách phường - xã, thị trấn có mức vốn đầu tư dưới 03 (ba) tỷ đồng sau khi thông qua Hội đồng nhân dân phường - xã, thị trấn.

12.3. Ủy quyền cho Giám đốc các Sở:

Sở Kế hoạch và Đầu tư Quyết định đầu tư các dự án đầu tư nhóm C sử dụng vốn ngân sách thành phố (trừ những dự án đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Bưu chính Viễn thông và phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện Quyết định đầu tư); Sở Giao thông - Công chính quyết định đầu tư các dự án nhóm C chuyên ngành giao thông - công chính sử dụng vốn ngân sách thành phố; Sở Xây dựng quyết định đầu tư các dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách thành phố đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp khác (trừ các công trình do Sở Công nghiệp quyết định đầu tư thuộc phạm vi quản lý ngành quy định tại điều 8 của Quyết định này), công trình nhà máy xử lý nước thải, công trình xử lý chất thải (bãi chừa, bãi chôn lấp rác, công trình xử lý rác thải), công trình xử lý rác y tế, lò thiêu xác, nghĩa trang; Sở Công nghiệp quyết định đầu tư các dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách thành phố thuộc phạm vi quản lý của ngành được quy định tại điều 8 của quyết định này; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quyết định đầu tư các dự án nhóm C chuyên ngành thủy lợi, đê điều, nông - lâm - ngư - diêm nghiệp sử dụng vốn ngân sách thành phố; Sở Bưu chính Viễn thông quyết định đầu tư các dự án nhóm C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông sử dụng vốn ngân sách thành phố.

12.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư của thành phố; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ việc thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư, sở - ngành và quận - huyện.

12.5. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và định kỳ hàng quý báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 13. Về thẩm định thiết kế cơ sở công trình xây dựng**

13.1. Sở Giao thông - Công chính chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành giao thông - công chính; Sở Xây dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (trừ các công trình công nghiệp do Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định), các dự án thuộc lĩnh vực tài nguyên, môi

trường và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu; Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C thuộc phạm vi quản lý của ngành được quy định tại điều 8 của quyết định này; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành thủy lợi, đê điều, nông - lâm - ngư - diêm nghiệp; Sở Bưu chính Viễn thông tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông.

Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình liên quan đến nhiều chuyên ngành thì Sở chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở là Sở có chức năng quản lý Nhà nước về ngành có yếu tố quyết định tính chất, mục tiêu của dự án, chịu trách nhiệm lấy ý kiến của các sở - ngành, quận - huyện liên quan.

13.2. Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư có mức vốn từ 05 (năm) tỷ đồng trở xuống. Các Sở được giao nhiệm vụ thẩm định thiết kế cơ sở nêu tại Mục 1 của điều này chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư có mức vốn trên 05 (năm) tỷ đồng.

13.3. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở:

13.3.1. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với các trường hợp chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình) của dự án đầu tư nhóm C không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13.3.2. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư nhóm B không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13.4. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm kết luận thiết kế cơ sở có đủ điều kiện hay không đủ điều kiện để xem xét phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng công trình. Trường hợp không đủ điều kiện xem xét phê duyệt thiết kế cơ sở hoặc cần phải sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (chỉ một lần) tất cả các nội dung yêu cầu chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để đảm bảo thiết kế cơ sở đủ điều kiện xem xét phê duyệt. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở đến đơn vị đầu mối thẩm định dự án theo thời gian quy định nêu trên, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng một bản.

13.5- Sở Xây dựng có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hàng năm việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong công tác thẩm định thiết kế cơ sở của các cơ quan liên quan theo phân cấp và ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

## **Điều 14. Về công tác thẩm định dự án và quyết định đầu tư**

14.1. Thẩm định dự án:

14.1.1. Giám đốc các Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định đối với các dự án được Ủy ban nhân dân thành

phổ ủy quyền hoặc phân cấp quyết định đầu tư. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng dự án, cơ quan thẩm định sẽ có văn bản hoặc tổ chức hội nghị tư vấn để lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn.

14.1.2. Đối với các dự án được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư, hồ sơ trình thẩm định dự án bao gồm thiết kế cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định đủ điều kiện để phê duyệt. Đối với các dự án được ủy quyền cho các Sở chuyên ngành quyết định đầu tư, hồ sơ về thiết kế cơ sở được trình cùng lúc với hồ sơ trình thẩm định dự án.

14.1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố.

14.2. Thời gian thẩm định và quyết định đầu tư:

14.2.1. Thời gian thẩm định dự án đầu tư nhóm C không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14.2.2. Thời gian thẩm định dự án đầu tư nhóm B không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14.2.3. Thời gian thẩm định dự án đầu tư nhóm A không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14.3. Nội dung thẩm định khi quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 16/2005/NĐCP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ.

14.4. Việc thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thực hiện theo Thông tư số 08/2005/TT-BXD ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Xây dựng; thời gian thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và thiết kế bản vẽ thi công tương ứng như thời gian thẩm định đối với các dự án nhóm C.

**Điều 15.** Giao Sở Tài chính làm đầu mối thẩm định về giá máy móc, thiết bị trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đối với những dự án đầu tư nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư tài sản cố định, mua sắm máy móc, thiết bị mà không kèm chi phí xây lắp. Căn cứ dự án đầu tư được duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập và phê duyệt dự toán. Đối với các trường hợp được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép không phải lập dự án, Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư lập dự toán và phê duyệt dự toán.

**Điều 16. Bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng khi chưa có dự án đầu tư xây dựng công trình**

Trường hợp giải phóng mặt bằng xây dựng theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt mà chưa có dự án đầu tư xây dựng công trình thì việc bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng được thực hiện như sau:

16.1. Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì tổ chức giải phóng mặt bằng thông qua Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Xây dựng do Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập.

16.2. Kinh phí để bồi thường giải phóng mặt bằng từ ngân sách hoặc huy động và được thu hồi lại khi giao đất cho chủ đầu tư xây dựng công trình có dự án trên mặt bằng đã được giải phóng.

### **Điều 17. Về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ODA**

Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ODA thực hiện theo Thông tư số 08/2005/TT-BXD ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

### **Điều 18. Về thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình**

18.1. Thời gian để lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán được quy định như sau:

18.1.1. Đối với trường hợp chỉ định thầu, tối đa không quá 01 (một) tháng đối với các dự án nhóm B, C; không quá 02 (hai) tháng đối với các dự án nhóm A kể từ khi có quyết định đầu tư.

18.1.2. Đối với trường hợp đấu thầu, tối đa không quá 03 (ba) tháng kể từ khi có quyết định đầu tư.

18.2. Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán theo quy định tại điều 16, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và gửi các quyết định phê duyệt đến cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở và Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian tối đa không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

18.3. Thời gian thực hiện hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt các nội dung nêu tại Mục 2 của điều này được quy định không quá 04 (bốn) tháng đối với dự án nhóm C, không quá 08 (tám) tháng đối với dự án nhóm B, không quá 12 (mười hai) tháng đối với dự án nhóm A, kể từ ngày ký hợp đồng tư vấn. Riêng đối với trường hợp phải thiết kế ba bước, thời gian thực hiện hoàn thành các nội dung nêu trên được kéo dài thêm 03 (ba) tháng.

### **Điều 19. Về công tác quản lý đấu thầu**

19.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quản lý Nhà nước về đấu thầu theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở - ngành, quận - huyện thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu, kiểm tra và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án đầu tư thuộc phạm vi thành phố quản lý.

19.2. Các sở, quận - huyện chịu trách nhiệm về công tác đấu thầu được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp tại Mục 3 của điều này và có trách nhiệm

báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố và cơ quan có thẩm quyền.

### 19.3. Ủy quyền cho các Sở:

#### 19.3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

19.3.1.1. Đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ODA, vốn tín dụng nước ngoài do Bộ Tài chính và ngân hàng Nhà nước Việt Nam bảo lãnh thuộc phạm vi thành phố quản lý:

+ Dự án nhóm A: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ liên quan do chủ đầu tư trình, dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án, kết quả chỉ định thầu gói thầu (nếu có), kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 20 (hai mươi) tỷ đồng trở lên, các gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hoá có giá trị từ 100 (một trăm) tỷ đồng trở lên; dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu của các gói thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại theo nội dung phân cấp thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu được quy định tại điều 53 của Quy chế đấu thầu.

+ Dự án nhóm B, C: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả chỉ định thầu (nếu có), kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên, các gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hoá có giá trị từ 50 (năm mươi) tỷ đồng trở lên, phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án, hồ sơ mời thầu của các gói thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại có giá trị dưới mức quy định nêu trên.

19.3.1.2. Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi thành phố quản lý:

+ Dự án nhóm A: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ liên quan do chủ đầu tư trình, dự thảo văn bản để Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án.

Đối với các gói thầu thuộc kế hoạch đấu thầu của dự án đã được phê duyệt mà nguồn tài chính thực hiện là vốn ngân sách: Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, dự thảo văn bản để Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên, các gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hoá có giá trị từ 50 (năm mươi) tỷ đồng trở lên; thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu, chọn thầu thực hiện các gói thầu còn lại.

+ Dự án nhóm B, C (ngoài các dự án thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận - huyện theo phân cấp và các dự án đầu tư do các Sở chuyên ngành quản lý đấu thầu theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố): Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án; thẩm định, dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên, các gói thầu xây lắp hoặc mua

sắm hàng hóa có giá trị từ 50 (năm mươi) tỷ đồng trở lên; phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại có giá trị dưới mức nêu trên.

#### 19.3.1.3. Về chỉ định thầu các gói thầu sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương chỉ định thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên, gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá trị từ 01 (một) tỷ đồng trở lên. Phê duyệt kết quả chỉ định thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 500 (năm trăm) triệu đồng đến dưới 05 (năm) tỷ đồng; gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá trị từ 01 (một) tỷ đồng đến dưới 50 (năm mươi) tỷ đồng.

#### 19.3.2. Các Sở quản lý chuyên ngành:

Sở Giao thông - Công chính, Sở Xây dựng, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Sở Bưu chính Viễn thông trong phạm vi các dự án đầu tư chuyên ngành nhóm B, C được phân công thẩm định thiết kế cơ sở nêu tại Mục 1, Điều 13 của Quyết định này mà Sở không làm chủ đầu tư dự án: Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án; thẩm định, dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên, các gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá trị từ 50 (năm mươi) tỷ đồng trở lên; phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại có giá trị dưới mức nêu trên.

#### 19.4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án, các nội dung cơ bản của quá trình đấu thầu gói thầu thuộc các dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân quận - huyện Quyết định đầu tư.

#### 19.5. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

19.5.1. Chủ đầu tư tự quyết định chỉ định thầu nhưng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và phải đảm bảo theo đúng quy chế đấu thầu đối với các gói thầu: Gói thầu tư vấn có giá trị dưới 500 (năm trăm) triệu đồng; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp có giá trị dưới 01 (một) tỷ đồng và gói thầu lập dự án đầu tư theo quy định tại Điều 1, Nghị định số 14/2000/NĐCP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ.

19.5.2. Chủ đầu tư được quyết định các nội dung của quá trình đấu thầu đã được quy định tại Điều 15, Quy chế Đấu thầu ban hành kèm Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 14/2000/NĐ-CP, Nghị định số 66/2003/NĐ-CP của Chính phủ bao gồm hồ sơ mời sơ tuyển, tiêu chuẩn đánh giá sơ tuyển và kết quả sơ tuyển; danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu tuyển chọn tư vấn; danh sách các nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật và danh sách xếp hạng các nhà thầu theo điểm đánh giá tổng hợp về kỹ thuật và tài chính đối với gói thầu tư vấn; danh sách các nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và

danh sách xếp hạng các nhà thầu theo giá đánh giá đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp; thương thảo với nhà thầu được chỉ định thầu và chịu trách nhiệm về các nội dung chỉ định thầu; quyết định chỉ định thầu các gói thầu quy định tại Điều 1, Nghị định 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000; nội dung hợp đồng; trừ trường hợp có yêu cầu khác của Ủy ban nhân dân thành phố.

19.6. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA; các gói thầu tư vấn từ 20 tỷ đồng trở lên; gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa từ 100 tỷ đồng trở lên thuộc dự án trong nước sử dụng vốn ngân sách, các sở được giao nhiệm vụ tại Mục 19.3.1, 19.3.2 của Mục 3, Điều này có trách nhiệm mời các chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm của các sở - ngành tham gia Tổ thẩm tra hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu gói thầu.

Tổ thẩm tra hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu gói thầu có trách nhiệm nghiên cứu và nêu ý kiến về nội dung hồ sơ mời thầu gói thầu, kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu do chủ đầu tư hoặc tư vấn lập.

19.7. Hợp đồng trong hoạt động xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2005/TT-BXD ngày 25 tháng 02 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

#### **Điều 20. Về điều chỉnh dự án**

Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được quyết định đầu tư chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp được quy định tại Điều 13, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ. Khi điều chỉnh dự án không làm thay đổi quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh dự án. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi thiết kế cơ sở về kiến trúc, quy hoạch, quy mô, mục tiêu đầu tư ban đầu hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Những nội dung thay đổi phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định lại. Người quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp Luật về quyết định của mình. Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

#### **Điều 21. Về quyết toán vốn đầu tư**

Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm A, B; thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, xây dựng công trình các dự án nhóm C, trừ các dự án đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

### **PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 22.** Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện phải thực hiện các nhiệm vụ theo quy định với thời gian sớm nhất trong

hạn mức cho phép. Khi quá thời gian cho phép mà cơ quan được hỏi không trả lời, thì xem như chấp thuận về vấn đề được hỏi ý kiến và phải chịu trách nhiệm trước pháp Luật về những nội dung được hỏi ý kiến; cơ quan hỏi ý kiến thực hiện các bước tiếp theo mà không phải chờ văn bản của cơ quan được hỏi ý kiến.

**Điều 23.** Chủ đầu tư có trách nhiệm phải quy định rõ trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp chế tài đối với đơn vị tư vấn đầu tư, đơn vị thi công công trình đúng theo Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà. Đối với các trường hợp chế tài về tài chính trong các hợp đồng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, Kho bạc Nhà nước thành phố chịu trách nhiệm thu các khoản phạt tiền vào ngân sách thành phố.

**Điều 24.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch củng cố, tăng cường nhân sự của các Ban quản lý dự án và các phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện để có điều kiện phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt thiết kế cơ sở các dự án nhóm C. Giao Giám đốc Sở Nội vụ và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ khen thưởng và xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quyết định này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**